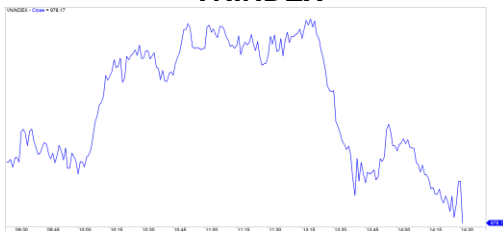


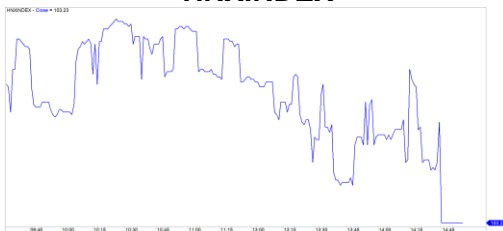
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	978.17	103.23	56.02
% ngày	0.14%	-0.73%	0.09%
% tuần	-2.24%	-1.60%	-1.51%
% tháng	-1.85%	-1.41%	-0.87%
% năm	5.96%	0.04%	7.44%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,476	243	198
TB 1 tuần	4,468	295	185
TB 1 tháng	4,436	378	236
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	440.41	3.66	31.35
Bán	367.50	6.48	46.51
Giá trị ròng	72.91	-2.81	-15.16
Độ rộng TT			
Mã Tăng	134	60	157
Mã Giảm	143	58	115
Không Đổi	111	251	631
Chỉ số chính			
P/E	15.97	9.15	17.32
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,338	188	956
LS Cổ tức	1.60%	4.86%	4.98%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Giao dịch thị trường tiếp tục theo hướng giằng co đi ngang. Chỉ số VN-Index có lúc được kéo vượt qua 980 điểm nhưng lực bán trong phiên chiều khiến VN-Index chốt phiên chỉ còn tăng 0.14% dừng tại 978.17 điểm trong khi HNX-Index sau 2 phiên tăng đã quay đầu giảm 0.73% chốt tại 103.23 điểm. Chỉ số Upcom-Index chỉ tăng nhẹ. Dòng tiền sụt giảm khá mạnh hôm nay với giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường đạt gần 3,100 chủ yếu do GTGD của HSX giảm hơn 15% so với phiên liền trước.

Nhóm Ngân hàng có sự phân hóa khi HDB(-2.9%), CTG(-0.7%), TCB(-0.4%), MBB(-0.2%) giảm giá nhưng với nền thanh khoản thấp trong khi VCB(+1.9%) và BID(+2%) tăng giá khá tích cực. Tuy nhiên, gây áp lực giảm giá nhiều nhất trong phiên chiều nay phải kể đến các trụ như VNM(-0.7%), VHM(-0.3%), MSN(-0.7%) và SAB khi thu hẹp mức tăng từ mức 234,000 về 230,500. Nhóm cổ phiếu đầu cơ giao dịch khá sôi động giúp giao dịch thị trường chung bớt đi sự am đảm có thể kể trên như HAI(+6.9%), TSC(+6.9%), FIT(+6.9%), HVG(+6.7%), VRC(+5.2%)... Đồng thời, bộ đôi DXG, LDG có phiên hồi phục đầu tiên sau chuỗi giảm sâu trong đó LDG tăng kịch trần đóng cửa tại mức 8,930.

Khối ngoại mua ròng gần 55 tỷ đồng tính chung cả ba sàn. HPG(36 tỷ), BID(18.4 tỷ) là các mã được mua ròng tích cực nhất trong khi STB(12.4 tỷ), VPI(11.2 tỷ) là những mã bị bán ròng nhiều nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể vẫn còn trong giai đoạn hồi phục kỹ thuật và kịch bản biến động hẹp quanh mức 980 điểm của chỉ số VN-Index có thể sẽ tiếp tục diễn ra ở phiên tới. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy dòng tiền có sự phân hóa và tập trung chủ yếu ở nhóm Midcaps và Smallcaps cho thấy đà giảm mạnh chưa thể xảy ra, nhưng dòng tiền ở nhóm Largecaps vẫn còn thấp. Đồng thời, tỷ trọng cổ phiếu vẫn duy trì ở mức hiện tại cho nên chiến lược ngắn hạn là tiếp tục quan sát thị trường.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 993.63 điểm của chỉ số VN-Index và 105.76 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư duy trì tỷ trọng hiện tại và quan sát thị trường. Đồng thời, hạn chế mua mới khi dòng tiền ngắn hạn vẫn ở mức thấp hoặc các vị thế mua mới chỉ nên để tỷ trọng thấp dưới 30% danh mục.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 30% cổ phiếu/70% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	14.20	GIẢM	GIẢM		14.89				16.59		
ACB	23.20	GIẢM	TĂNG		24.12			24.00	22.57	-3.33%	
ACV	74.90	GIẢM	GIẢM		77.84				82.57		
ANV	24.85	GIẢM	GIẢM		25.69				27.58		
ASM	6.49	TĂNG	GIẢM	6.70	6.45	-3.13%			7.26		
BFC	14.25	GIẢM	GIẢM		15.02				16.18		
BID	40.80	GIẢM	TĂNG		41.77			33.40	38.49	22.16%	
BMP	52.20	GIẢM	TĂNG		54.52			48.30	48.32	8.07%	
BSR	9.50	GIẢM	GIẢM		10.19				10.51		
BVH	71.00	GIẢM	GIẢM		73.20				75.79		
BWE	23.75	GIẢM	GIẢM		24.50				26.99		
CEO	9.20	GIẢM	GIẢM		9.59				10.19		
CII	23.30	GIẢM	TĂNG		24.85			24.45	22.23	-4.70%	
CMG	37.90	TĂNG	TĂNG	38.90	37.82	-2.57%		23.20	34.96	63.36%	
CMX	14.30	GIẢM	GIẢM		16.20				22.56		
CSM	14.50	GIẢM	TĂNG		14.82			14.39	14.22	0.76%	
CTD	66.30	GIẢM	GIẢM		71.41				82.73		
CTG	21.05	GIẢM	TĂNG		21.80			22.00	20.78	-4.32%	
CTR	46.60	GIẢM	N/A	46.50	47.38	1.90%	BÁN	-	N/A		
CVT	20.90	GIẢM	GIẢM		22.36			20.35	21.01	3.25%	
DCM	6.87	GIẢM	GIẢM		7.05				7.68		
DGC	27.10	TĂNG	GIẢM	27.20	26.20	-0.37%			28.91		
DGW	24.35	GIẢM	TĂNG		25.18			23.50	24.07	3.62%	
DHA	30.30	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	-4.87%			32.52		
DHC	39.50	TĂNG	TĂNG	33.00	37.84	19.70%		37.70	34.64	4.77%	
DHG	94.00	GIẢM	GIẢM		96.00				99.56		
DIG	13.20	GIẢM	TĂNG		13.88			13.90	13.14	-5.04%	BÁN
DPG	46.80	TĂNG	GIẢM	46.60	46.66	0.43%			50.61		
DPM	13.05	GIẢM	GIẢM		13.79			14.95	13.37	-10.57%	BÁN
DPR	41.00	TĂNG	TĂNG	37.60	39.62	9.04%			40.40		
DQC	16.45	GIẢM	GIẢM		16.89				18.95		
DRC	22.95	GIẢM	TĂNG		23.49			21.60	21.72	6.25%	
DXG	14.55	GIẢM	GIẢM		15.12			15.50	14.86	-4.11%	
EIB	17.00	GIẢM	TĂNG		18.24			18.40	16.46	-7.61%	
FCN	10.15	GIẢM	GIẢM		10.67				12.69		



We Create Fortune

FMC	27.25	GIẢM	TĂNG		27.43			31.60	26.18	-13.77%	
FPT	57.00	GIẢM	TĂNG		58.86			46.00	54.99	23.91%	
GAS	102.00	GIẢM	GIẢM		106.57				109.55		
GEX	20.35	TĂNG	GIẢM	21.50	20.20	-5.35%			22.60		
GIL	18.50	GIẢM	GIẢM		19.89				22.73		
GMD	24.00	GIẢM	GIẢM		24.80			26.91	24.57	-8.70%	BÁN
GTN	20.80	GIẢM	TĂNG		21.10			15.00	18.98	38.67%	
GVR	13.80	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-4.83%			N/A		
HAG	3.96	GIẢM	GIẢM		4.11				4.59		
HAX	18.15	GIẢM	GIẢM		18.56				21.69		
HBC	11.35	GIẢM	GIẢM		11.61				13.78		
HCM	23.90	GIẢM	TĂNG		25.31			23.40	22.58	2.14%	
HDB	27.00	GIẢM	GIẢM		28.91			28.00	27.29	-2.55%	
HDC	22.50	GIẢM	TĂNG		23.45			15.25	20.25	47.54%	
HDG	34.25	GIẢM	TĂNG		34.77			35.30	32.61	-2.97%	
HNG	14.60	GIẢM	GIẢM		14.96				16.29		
HPG	22.60	GIẢM	GIẢM		22.95				23.82		
HSG	7.76	GIẢM	TĂNG		8.13			7.75	6.67	0.13%	
HT1	14.40	GIẢM	TĂNG		15.08			16.90	13.91	-14.79%	
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71		
HVN	34.30	GIẢM	GIẢM		34.61				36.93		
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	14.90	15.09	3.36%		15.35	13.91	0.33%	
KDH	26.45	GIẢM	TĂNG		26.73			24.00	24.58	10.21%	
KSB	17.00	GIẢM	GIẢM		18.02				20.51		
LCG	8.54	TĂNG	GIẢM	8.55	8.43	-0.12%			9.32		
LDG	8.93	GIẢM	GIẢM		9.15				11.59		
LHG	15.60	GIẢM	GIẢM		16.43				16.89		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.63	0.00%			8.13		
MBB	22.60	GIẢM	TĂNG		23.04			21.85	21.83	3.43%	
MPC	18.10	GIẢM	GIẢM		20.36				26.81		
MSN	71.00	GIẢM	GIẢM		73.63				81.14		
MSR	14.90	GIẢM	GIẢM		15.56				17.20		
MWG	113.20	GIẢM	GIẢM		115.87			88.70	114.78	29.41%	BÁN
NDN	16.60	GIẢM	TĂNG		17.01			13.70	16.27	21.17%	
NKG	6.18	GIẢM	GIẢM		6.30				6.45		
NLG	27.90	GIẢM	TĂNG		28.61			28.70	26.73	-2.79%	
NT2	22.65	GIẢM	GIẢM		23.31				24.51		
NTL	23.40	TĂNG	GIẢM	23.40	22.96	0.00%	MUA		25.17		
NVL	56.50	GIẢM	GIẢM		59.13				62.67		



We Create Fortune

OIL	9.70	GIẢM	GIẢM		10.02			11.40		
PAC	26.60	GIẢM	GIẢM		27.15			29.71		
PC1	18.35	GIẢM	GIẢM		19.57		21.10	18.48	-12.42%	
PDR	26.20	GIẢM	TĂNG		26.30		29.00	25.01	-9.66%	
PHR	56.20	TĂNG	GIẢM	59.80	56.10	-6.02%		65.37		
PLX	58.60	GIẢM	GIẢM		60.33			61.98		
PNJ	82.30	GIẢM	TĂNG		85.04		104.00	78.71	-20.87%	
POW	13.25	GIẢM	GIẢM		13.75			13.98		
PVT	17.20	TĂNG	TĂNG	17.30	17.11	-0.58%	18.30	16.28	-6.01%	
PPC	27.75	GIẢM	GIẢM		28.17			28.36		
PTB	73.40	GIẢM	TĂNG		74.81		64.00	68.51	14.69%	
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		19.72		20.10	18.62	-5.47%	
PVD	15.50	GIẢM	GIẢM		16.25		18.10	15.96	-11.80%	BÁN
PVI	31.90	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-3.92%		35.38		
PVS	17.70	GIẢM	GIẢM		18.68			20.75		
PXS	6.00	TĂNG	TĂNG	4.76	5.61	26.05%	6.20	4.83	-3.23%	
QNS	29.80	TĂNG	TĂNG	29.40	29.59	1.36%	33.80	27.86	-11.83%	
REE	36.25	GIẢM	TĂNG		37.94		33.33	35.23	8.78%	
SAB	230.50	GIẢM	GIẢM		248.30			270.96		
SAM	8.00	GIẢM	TĂNG		8.14		7.40	7.58	8.11%	
SCR	5.78	GIẢM	GIẢM		5.84			6.28		
SHI	8.95	GIẢM	TĂNG		9.39		6.99	8.30	28.04%	
SJS	17.45	TĂNG	TĂNG	15.30	15.85	14.05%		16.88		
SKG	11.10	GIẢM	GIẢM		11.33			11.70		
SSI	19.85	GIẢM	GIẢM		20.88			22.27		
STB	10.10	GIẢM	GIẢM		10.56			11.09		
TCB	23.35	GIẢM	TĂNG		24.09		22.65	23.03	3.09%	
TCM	19.75	GIẢM	GIẢM		20.58			24.25		
TDH	9.85	GIẢM	GIẢM		10.28			11.30		
TLH	4.45	TĂNG	TĂNG	4.06	4.09	9.61%		4.43		
TNG	14.90	TĂNG	GIẢM	15.10	14.43	-1.32%		17.60		
VCB	86.30	GIẢM	TĂNG		88.36		62.00	84.02	39.19%	
VCG	27.20	TĂNG	TĂNG	27.00	26.53	0.74%	19.20	25.02	41.67%	
VCS	83.50	GIẢM	GIẢM		88.13			101.04		
VGC	18.50	GIẢM	GIẢM		18.91			20.21		
VGT	8.30	GIẢM	GIẢM		8.57			9.37		
VHC	76.00	GIẢM	GIẢM		78.48			85.93		
VHM	93.00	GIẢM	TĂNG		97.34		90.20	89.66	3.10%	
VIB	17.40	GIẢM	TĂNG		17.85		17.70	16.56	-1.69%	

We Create Fortune

VIC	115.60	GIẢM	TĂNG		118.51			112.00	113.76	3.21%	
VIP	5.00	TĂNG	GIẢM	5.15	4.96	-2.91%			5.30		
VJC	143.70	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	3.08%		124.50	137.02	15.42%	
VND	13.95	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-1.06%			14.88		
VNG	20.80	GIẢM	GIẢM		21.33			20.20	21.17	4.78%	BÁN
VNM	122.10	GIẢM	GIẢM		126.59				135.52		
VPB	20.40	GIẢM	GIẢM		21.00			20.30	20.56	1.27%	BÁN
VPI	41.00	GIẢM	TĂNG		42.19			41.30	39.68	-0.73%	
VRC	22.30	TĂNG	TĂNG	16.05	19.49	38.94%		17.30	15.59	28.90%	
VRE	33.95	GIẢM	TĂNG		35.55			35.05	32.08	-3.14%	
VSC	24.35	TĂNG	GIẢM	26.30	23.89	-7.41%			27.86		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.20	GIẢM	TĂNG		24.12			24.00	22.57	-3.33%	
BID	40.80	GIẢM	TĂNG		41.77			33.40	38.49	22.16%	
BSR	9.50	GIẢM	GIẢM		10.19				10.51		
BVH	71.00	GIẢM	GIẢM		73.20				75.79		
CTG	21.05	GIẢM	TĂNG		21.80			22.00	20.78	-4.32%	
FPT	57.00	GIẢM	TĂNG		58.86			40.23	54.99	41.70%	
GAS	102.00	GIẢM	GIẢM		106.57				109.55		
GEX	20.35	TĂNG	GIẢM	21.50	20.20	-5.35%			22.60		
GVR	13.80	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-4.83%			N/A		
HDB	27.00	GIẢM	GIẢM		28.91			28.00	27.29	-2.55%	
HNG	14.60	GIẢM	GIẢM		14.96				16.29		
HPG	22.60	GIẢM	GIẢM		22.95				23.82		
HVN	34.30	GIẢM	GIẢM		34.61				36.93		
KDH	26.45	GIẢM	TĂNG		26.73			24.00	24.58	10.21%	
MBB	22.60	GIẢM	TĂNG		23.04			19.72	21.83	14.61%	
MSN	71.00	GIẢM	GIẢM		73.63				81.14		
MWG	113.20	GIẢM	GIẢM		115.87			88.70	114.78	29.41%	BÁN
NVL	56.50	GIẢM	GIẢM		59.13				62.67		
OIL	9.70	GIẢM	GIẢM		10.02				11.40		
PLX	58.60	GIẢM	GIẢM		60.33				61.98		
PNJ	82.30	GIẢM	TĂNG		85.04			77.07	78.71	6.78%	
POW	13.25	GIẢM	GIẢM		13.75				13.98		

We Create Fortune

QNS	29.80	TĂNG	TĂNG	29.40	29.59	1.36%		33.26	27.86	-10.39%	
REE	36.25	GIẢM	TĂNG		37.94			33.33	35.23	8.78%	
ROS	25.00	GIẢM	GIẢM		25.91				27.61		
SBT	18.70	GIẢM	TĂNG		18.78			17.50	17.46	6.86%	
SSI	19.85	GIẢM	GIẢM		20.88				22.27		
STB	10.10	GIẢM	GIẢM		10.56				11.09		
TCB	23.35	GIẢM	TĂNG		24.09			22.65	23.03	3.09%	
TPB	21.90	GIẢM	GIẢM		22.38				23.94		
VCB	86.30	GIẢM	TĂNG		88.36			62.00	84.02	39.19%	
VCG	27.20	TĂNG	TĂNG	27.00	26.53	0.74%		18.44	25.02	47.50%	
VCS	83.50	GIẢM	GIẢM		88.13				101.04		
VEA	48.00	GIẢM	GIẢM		50.34				59.45		
VGI	26.90	GIẢM	N/A		29.80				N/A		
VHM	93.00	GIẢM	TĂNG		97.34			89.13	89.66	4.35%	
VIB	17.40	GIẢM	TĂNG		17.85			15.00	16.56	15.96%	
VIC	115.60	GIẢM	TĂNG		118.51			112.00	113.76	3.21%	
VJC	143.70	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	3.08%		124.50	137.02	15.42%	
VNM	122.10	GIẢM	GIẢM		126.59				135.52		
VPB	20.40	GIẢM	GIẢM		21.00			20.30	20.56	1.27%	BÁN
VRE	33.95	GIẢM	TĂNG		35.55			35.05	32.08	-3.14%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	14.20	GIẢM	GIẢM		14.89				16.59		
ANV	24.85	GIẢM	GIẢM		25.69				27.58		
ASM	6.49	TĂNG	GIẢM	6.70	6.45	-3.13%			7.26		
BMI	25.90	GIẢM	TĂNG		26.84			26.70	23.99	-3.00%	
BMP	52.20	GIẢM	TĂNG		54.52			48.30	48.32	8.07%	
BWE	23.75	GIẢM	GIẢM		24.50				26.99		
CEO	9.20	GIẢM	GIẢM		9.59				10.19		
CII	23.30	GIẢM	TĂNG		24.85			24.45	22.23	-4.70%	
CRE	24.10	GIẢM	GIẢM		24.70				25.69		
CTI	22.90	GIẢM	TĂNG		24.34			25.05	22.66	-8.58%	
CTR	46.60	GIẢM	GIẢM	46.50	47.38	1.90%	BÁN		53.42		
D2D	81.70	GIẢM	TĂNG		85.73			83.10	72.16	-1.68%	
DBD	58.00	GIẢM	TĂNG		62.52			38.65	53.80	50.06%	

We Create Fortune

DCM	6.87	GIẢM	GIẢM		7.05			7.68		
DGW	24.35	GIẢM	TĂNG		25.18		23.04	24.07	5.69%	
DHC	39.50	TĂNG	TĂNG	33.00	37.84	19.70%	37.70	34.64	4.77%	
DIG	13.20	GIẢM	TĂNG		13.88		13.90	13.14	-5.04%	BÁN
DPG	46.80	TĂNG	GIẢM	46.60	46.66	0.43%		50.61		
DPM	13.05	GIẢM	GIẢM		13.79		14.95	13.37	-10.57%	BÁN
DRC	22.95	GIẢM	TĂNG		23.49		21.60	21.72	6.25%	
DXG	14.55	GIẢM	GIẢM		15.12		15.50	14.86	-4.11%	
E1VFN30	14.90	GIẢM	TĂNG		15.23		15.26	14.84	-2.36%	
FCN	10.15	GIẢM	GIẢM		10.67			12.69		
FLC	4.75	TĂNG	TĂNG	4.61	4.16	3.04%	4.63	4.02	2.59%	
GEG	27.50	TĂNG	TĂNG	28.10	27.46	-2.14%	12.50	25.32	119.96%	
GMD	24.00	GIẢM	GIẢM		24.80		26.91	24.57	-8.70%	BÁN
GTN	20.80	GIẢM	TĂNG		21.10		15.00	18.98	38.67%	
HAG	3.96	GIẢM	GIẢM		4.11			4.59		
HBC	11.35	GIẢM	GIẢM		11.61			13.78		
HCM	23.90	GIẢM	TĂNG		25.31		23.40	22.58	2.14%	
HDC	22.50	GIẢM	TĂNG		23.45		15.25	20.25	47.54%	
HDG	34.25	GIẢM	TĂNG		34.77		35.30	32.61	-2.97%	
HPX	26.45	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-3.82%	35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.76	GIẢM	TĂNG		8.13		7.75	6.67	0.13%	
HT1	14.40	GIẢM	TĂNG		15.08		16.90	13.91	-14.79%	
HTM	16.20	TĂNG	GIẢM	16.00	14.52	1.25%		18.47		
IBC	20.70	GIẢM	GIẢM	20.60	20.79	0.92%	BÁN	21.22		
IDI	5.26	TĂNG	TĂNG	5.46	5.23	-3.66%	7.53	5.22	-30.15%	
IJC	15.30	TĂNG	TĂNG	16.15	15.25	-5.26%	13.10	13.74	16.79%	
ITA	3.04	GIẢM	TĂNG		3.16		3.20	2.96	-5.00%	
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	14.90	15.09	3.36%	14.85	13.91	3.73%	
KDC	20.25	GIẢM	TĂNG		21.31		21.90	19.02	-7.53%	
KOS	28.00	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	4.48%	26.30	25.20	6.46%	
KSB	17.00	GIẢM	GIẢM		18.02			20.51		
LDG	8.93	GIẢM	GIẢM		9.15			11.59		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.63	0.00%		8.13		
MBG	40.60	TĂNG	GIẢM	45.10	32.14	-9.98%	5.10	43.69	756.69%	BÁN
MBS	15.80	TĂNG	TĂNG	14.70	14.18	7.48%		15.75		
MPC	18.10	GIẢM	GIẢM		20.36			26.81		
NBB	20.55	TĂNG	GIẢM	20.85	20.44	-1.44%		22.02		
NKG	6.18	GIẢM	GIẢM		6.30			6.45		

We Create Fortune

NLG	27.90	GIẢM	TĂNG		28.61			26.28	26.73	6.16%	
NT2	22.65	GIẢM	GIẢM		23.31				24.51		
NTL	23.40	TĂNG	GIẢM	23.40	22.96	0.00%	MUA		25.17		
NVB	9.00	TĂNG	TĂNG	7.60	8.78	18.42%		8.50	8.20	5.88%	
OGC	3.79	GIẢM	GIẢM		4.00				4.28		
PC1	18.35	GIẢM	GIẢM		19.57			19.30	18.48	-4.25%	
PDR	26.20	GIẢM	TĂNG		26.30			23.59	25.01	11.04%	
PHR	56.20	TĂNG	GIẢM	59.80	56.10	-6.02%			65.37		
PPC	27.75	GIẢM	GIẢM		28.17				28.36		
PTB	73.40	GIẢM	TĂNG		74.81			60.78	68.51	20.76%	
PVD	15.50	GIẢM	GIẢM		16.25			18.10	15.96	-11.80%	BÁN
PVI	31.90	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-3.92%			35.38		
PVS	17.70	GIẢM	GIẢM		18.68				20.75		
PVT	17.20	TĂNG	TĂNG	17.30	17.11	-0.58%		17.31	16.28	-0.61%	
QCG	4.39	GIẢM	GIẢM		4.55				5.17		
SCR	5.78	GIẢM	GIẢM		5.84				6.28		
SGP	7.90	GIẢM	GIẢM		8.55				10.88		
SHB	6.30	GIẢM	GIẢM		6.71				6.86		
SHS	8.10	GIẢM	TĂNG		8.51			8.40	7.36	-3.57%	
SZC	17.40	TĂNG	#N/A	18.15	17.25	-4.13%			#N/A		
TCH	27.50	TĂNG	TĂNG	23.30	25.78	18.03%		26.15	21.70	5.16%	
TCM	19.75	GIẢM	GIẢM		20.58				24.25		
TDH	9.85	GIẢM	GIẢM		10.28				11.30		
TNG	14.90	TĂNG	GIẢM	15.10	14.43	-1.32%			17.60		
TTB	8.46	GIẢM	GIẢM		10.95				17.90		
VGC	18.50	GIẢM	GIẢM		18.91				20.21		
VGT	8.30	GIẢM	GIẢM		8.57				9.37		
VHC	76.00	GIẢM	GIẢM		78.48				85.93		
VND	13.95	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-1.06%			14.88		
VNG	20.80	GIẢM	GIẢM		21.33			20.20	21.17	4.78%	BÁN
VPI	41.00	GIẢM	TĂNG		42.19			41.30	39.68	-0.73%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.80	GIẢM	GIẢM		9.05				10.06		
AGR	3.84	GIẢM	GIẢM		4.10				4.65		

We Create Fortune

AMD	1.77	TĂNG	TĂNG	1.77	1.66	0.00%		1.70	1.44	4.12%	
APG	9.74	TĂNG	TĂNG	8.76	9.35	11.19%		9.90	8.56	-1.62%	
ART	2.20	TĂNG	GIẢM	2.00	1.98	10.00%			2.25		
BCG	8.40	GIẢM	TĂNG		9.12			6.39	7.47	31.46%	
C4G	5.80	GIẢM	GIẢM		6.24				7.63		
C69	10.30	GIẢM	GIẢM		13.12				21.31		
CCL	7.70	TĂNG	GIẢM	6.80	6.37	13.24%			8.11		
CVT	20.90	GIẢM	GIẢM		22.36			20.35	21.01	3.25%	
DAH	9.65	GIẢM	GIẢM		9.97				11.48		
DLG	1.54	GIẢM	GIẢM		1.65				1.65		
DRH	4.50	GIẢM	GIẢM		4.94				6.06		
DTD	11.20	GIẢM	GIẢM		12.28				14.65		
EVG	2.66	TĂNG	GIẢM	2.78	2.65	-4.32%			2.90		
FIT	4.49	TĂNG	TĂNG	4.49	4.47	0.00%	MUA	3.64	3.79	23.35%	
FTM	2.86	GIẢM	GIẢM		3.04				5.84		
FUES SV50	13.00	GIẢM	GIẢM		13.10			12.85	13.14	2.27%	BÁN
GKM	15.00	TĂNG	GIẢM	15.00	14.82	0.00%			15.54		
HAH	12.55	GIẢM	GIẢM		13.03				14.33		
HAI	2.32	TĂNG	TĂNG	1.69	2.14	37.28%		1.88	1.78	23.40%	
HAR	3.80	GIẢM	TĂNG		4.01			3.90	3.28	-2.56%	
HDA	10.80	GIẢM	GIẢM		11.09				12.03		
HHP	12.00	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-1.64%			13.51		
HHS	3.08	GIẢM	TĂNG		3.16			3.36	2.94	-8.33%	
HID	2.32	GIẢM	TĂNG		2.48			2.63	2.16	-11.79%	
HII	10.25	GIẢM	GIẢM		10.64				12.28		
HQC	1.03	GIẢM	GIẢM		1.08				1.21		
HSL	7.75	GIẢM	GIẢM		7.84				9.05		
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71		
HVG	8.70	TĂNG	TĂNG	7.82	6.81	11.25%		3.90	6.00	123.08%	
HVH	17.75	GIẢM	GIẢM		17.81				20.94		
IDJ	7.30	GIẢM	TĂNG		7.77			7.20	5.42	1.39%	
JVC	4.45	TĂNG	GIẢM	4.35	3.86	2.30%			4.75		
KLF	1.20	TĂNG	GIẢM	1.40	1.11	-14.29%			1.48		
LCG	8.54	TĂNG	GIẢM	8.55	8.43	-0.12%			9.32		
LGL	9.28	GIẢM	TĂNG		9.39			7.11	8.39	30.46%	
LHG	15.60	GIẢM	GIẢM		16.43				16.89		
LMH	12.45	GIẢM	#N/A		12.79				#N/A		
MST	4.50	TĂNG	TĂNG	3.80	3.84	18.42%		3.40	3.27	32.35%	

We Create Fortune

NDN	16.60	GIẢM	TĂNG		17.01			13.10	16.27	26.68%	
PHC	11.50	GIẢM	TĂNG		12.00			14.20	11.21	-19.01%	
PLP	9.95	GIẢM	GIẢM		10.33				11.85		
PVB	19.00	GIẢM	TĂNG		19.72			19.42	18.62	-2.15%	
PVC	7.40	GIẢM	TĂNG		7.68			6.70	6.66	10.45%	
PVX	1.20	GIẢM	GIẢM		1.39				1.50		
PXL	8.00	TĂNG	TĂNG	5.50	6.77	45.45%		6.70	5.45	19.40%	
SHI	8.95	GIẢM	TĂNG		9.39			5.77	8.30	55.24%	
SJF	2.23	GIẢM	GIẢM		2.46				2.79		
SPP	2.10	GIẢM	GIẢM		2.30				2.90		
TDC	8.41	GIẢM	GIẢM		8.73			7.05	8.48	20.20%	
TIG	6.20	TĂNG	TĂNG	6.20	5.62	0.00%		3.20	4.54	93.75%	
TLH	4.45	TĂNG	TĂNG	4.06	4.09	9.61%			4.43		
TNA	22.10	TĂNG	TĂNG	13.70	20.64	61.31%		11.45	17.08	92.99%	
TNI	10.30	TĂNG	GIẢM	10.20	10.05	0.98%			10.89		
TSC	2.63	GIẢM	GIẢM		2.89			1.58	3.19	101.84%	BÁN
TTF	2.81	TĂNG	GIẢM	2.95	2.75	-4.75%			3.21		
TTH	2.60	TĂNG	GIẢM	2.90	2.59	-10.34%			3.16		
TVC	15.40	GIẢM	TĂNG		15.46			14.30	14.38	7.69%	
VC3	17.50	TĂNG	TĂNG	16.50	17.06	6.06%		22.00	16.32	-20.45%	
VCR	13.00	GIẢM	GIẢM		14.33				21.17		
VNA	4.10	GIẢM	TĂNG		4.47			4.70	3.92	-12.77%	
VNE	3.47	GIẢM	GIẢM		3.66				3.70		
VRC	22.30	TĂNG	TĂNG	16.05	19.49	38.94%		17.30	15.59	28.90%	

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	978.17	0.14%	HNI	103.23	-0.73%	UPCoM	56.02	0.09%
VN30	895.06	-0.27%	HN30	183.21	-0.34%			
VN Mid	952.1	0.23%	VNX	863.91	-0.16%			
VN Small	783.14	0.27%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	440.41		Mua	3.66		Mua	31.35	
Bán	367.5		Bán	6.48		Bán	46.51	
GT ròng	72.91		GT ròng	-2.81		GT ròng	-15.16	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DCL	1400	6.97%	L14	5800	9.85%	PXL	700	9.59%
LDG	580	6.95%	AMV	1100	5.14%	HTM	300	1.89%
FIT	290	6.90%	TVC	600	4.05%	LPB	100	1.32%
HVG	550	6.75%	DGC	500	1.88%	BSR	0	0.00%
FLC	250	5.56%	MBS	100	0.64%	OIL	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TIX	-1850	-6.17%	MBG	-4500	-9.98%	VGI	-1100	-3.93%
HDB	-800	-2.88%	IVS	-500	-4.76%	MPC	-400	-2.16%
CVT	-550	-2.56%	TIG	-200	-3.13%	CTR	-900	-1.89%
FCN	-200	-1.93%	TAR	-1000	-2.99%	VCP	-1100	-1.69%
IJC	-250	-1.61%	TNG	-400	-2.61%	ACV	-1000	-1.32%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	385,452		ACB	39,094		ACV	165,197	
VCB	314,142		VCS	13,520		VGI	85,145	
VHM	312,510		VCG	12,015		VEA	63,743	
VNM	214,189		PVS	8,508		GVR	55,376	
GAS	195,223		SHB	7,700		MCH	50,776	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	32,125,730	29,252,097	SHB	2,048,829	3,058,950	BSR	2,222,019	2,212,794
FLC	16,129,620	13,689,317	NVB	1,873,209	2,213,291	VEA	699,490	313,389
SAM	9,136,796	1,563,822	ART	1,584,000	930,333	KHA	689,000	30,262
LDG	7,629,891	2,638,543	AMV	1,375,440	493,801	PXL	592,577	378,013
HVG	6,857,760	4,045,683	SHS	1,235,014	757,034	VGI	590,750	264,437

Nguồn: Bloomberg & YSVN

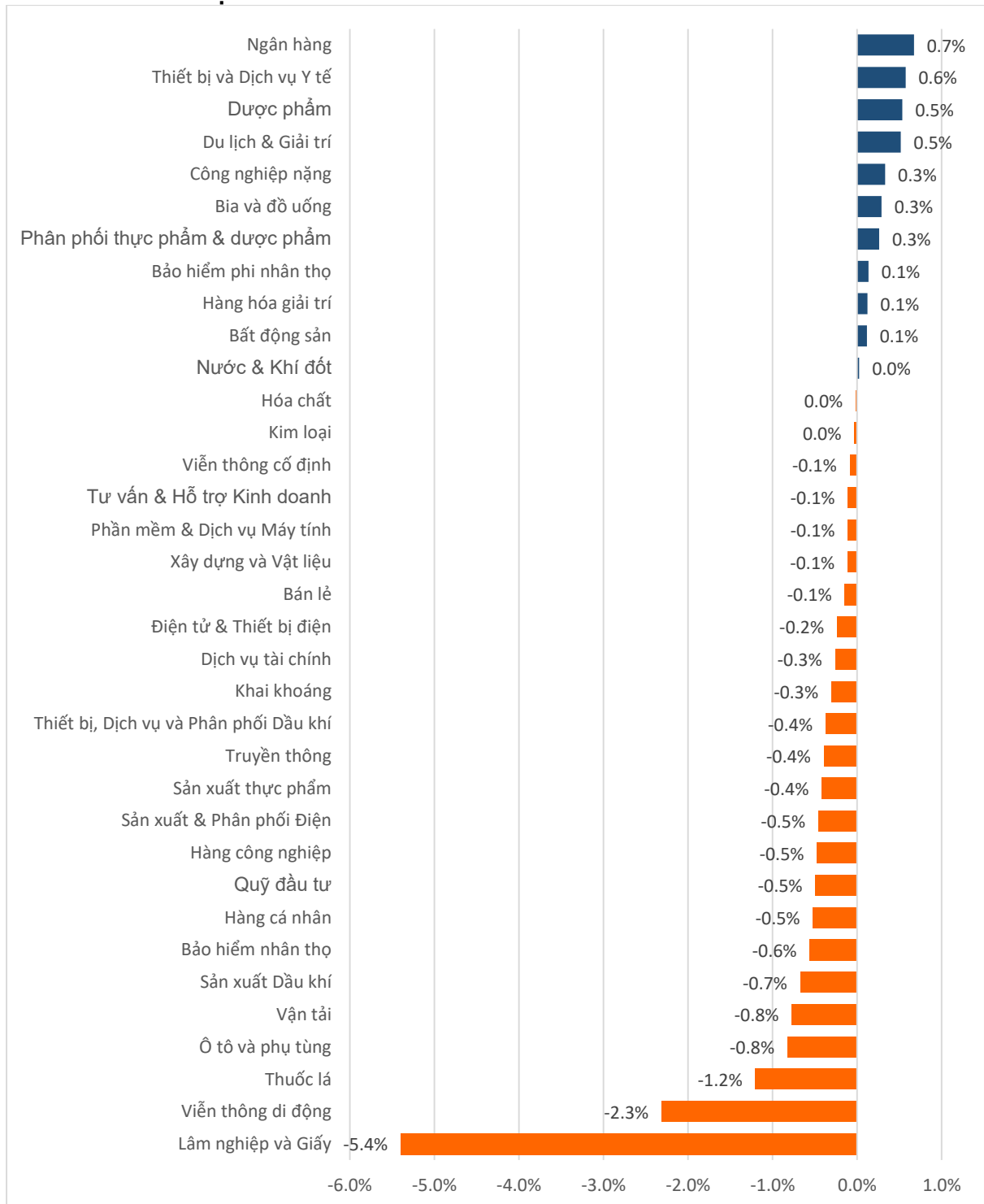
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



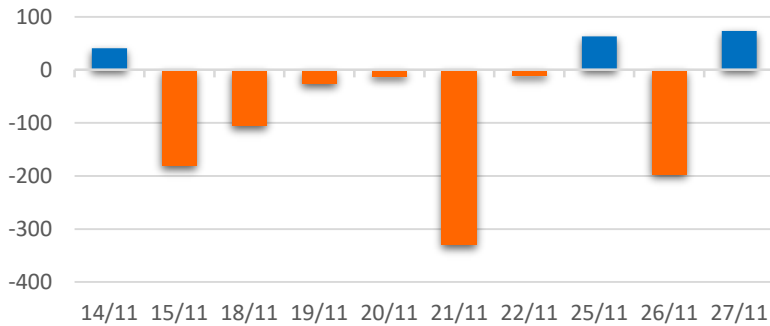
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

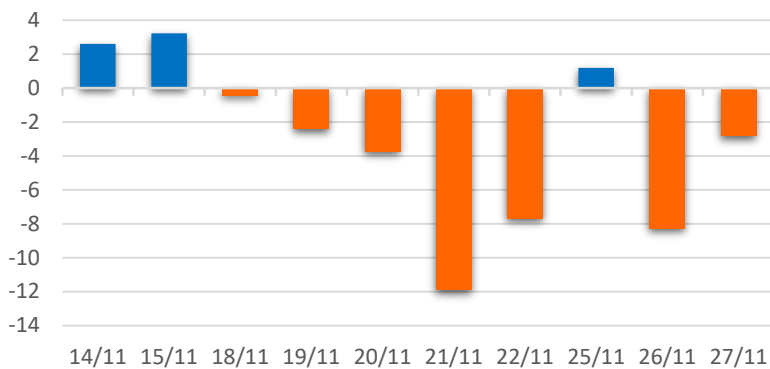
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	36,013	STB	12,435
BID	18,345	VPI	11,227
VRE	17,979	SSI	9,889
VCB	17,273	PVD	9,586
HDG	15,655	DXG	5,802

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

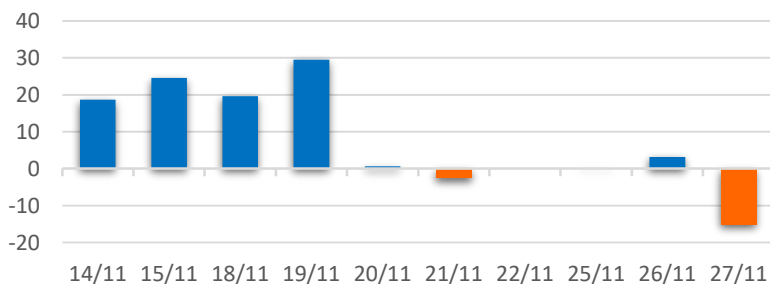
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
IVS	1,890	PVS	4,733
HDA	292	PGS	772
SDT	124	SHS	363
AMV	121	DNP	33
BVS	104	PVG	6

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	2,815	VEA	3,049
LPB	2,028	ACV	2,509
QNS	1,401	HND	2,445
GVR	855	BSR	2,203
SKH	134	OIL	662

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



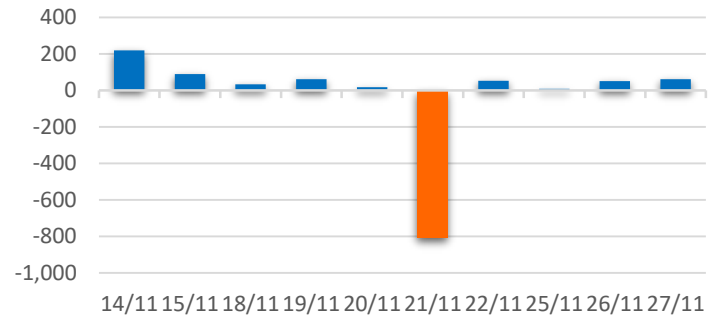
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

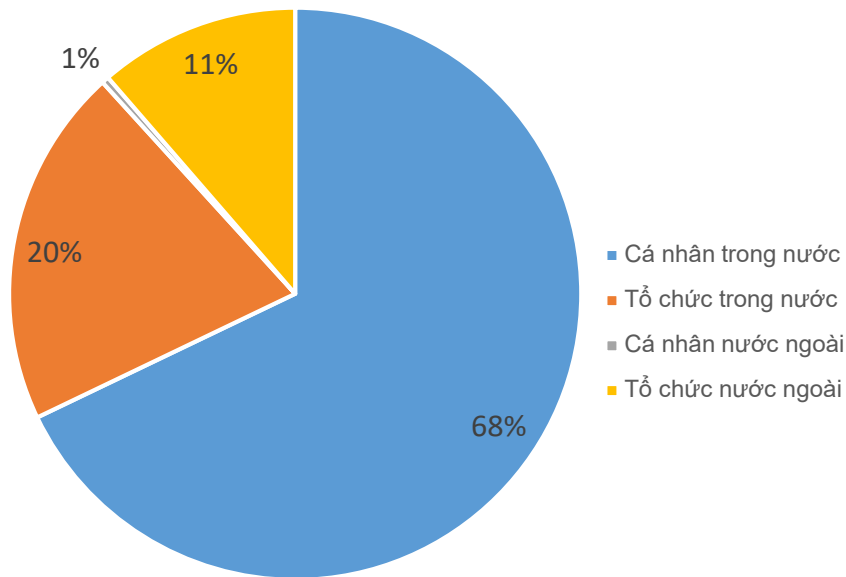
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TCB	70,989	E1VFN30	13,341
MBB	6,420	REE	5,062
E1VFN30	6,128	VNM	3,855
FPT	5,361	FPT	3,425
KDH	4,937	MBB	3,306

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

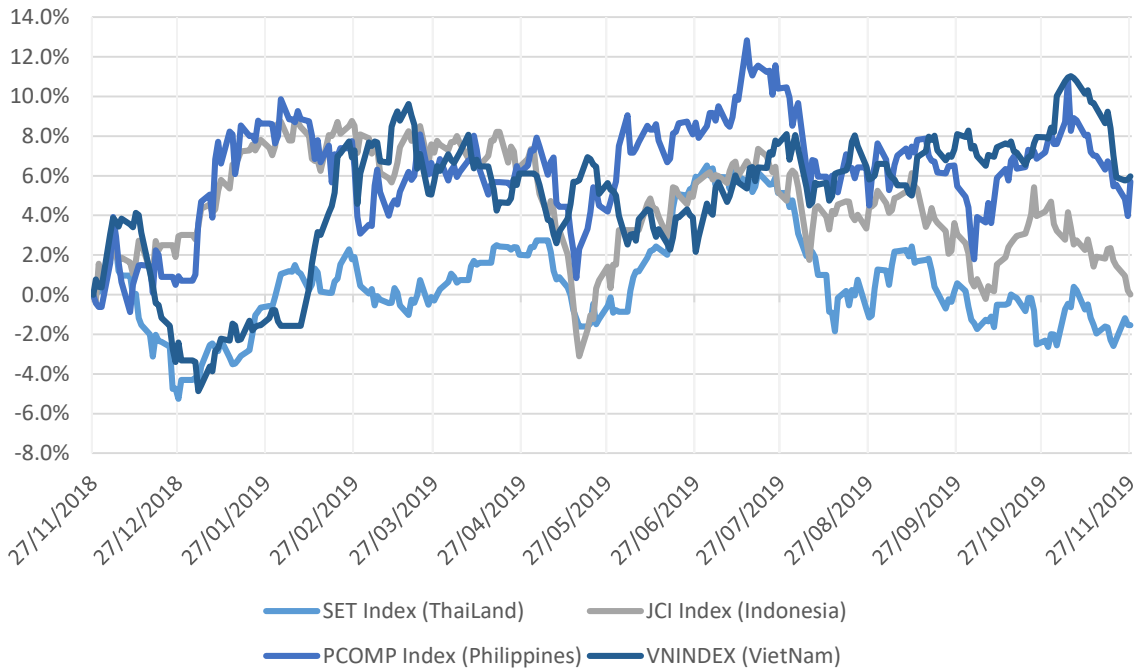


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

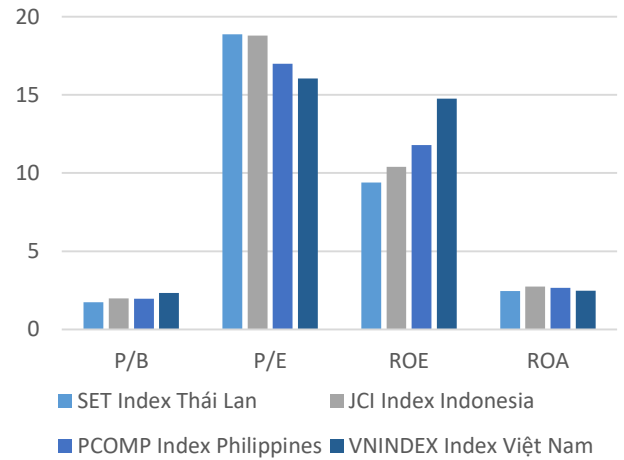
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.0x	2.0x	2.3x
P/E		18.9x	18.8x	17.0x	16.0x
ROE	%	9.39	10.39	11.79	14.75
ROA	%	2.46	2.74	2.66	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	557.88	493.58	189.33	143.52
GTGD	Triệu USD	2.64	0.85	0.39	0.14
LS cổ tức	%	3.10	2.51	1.64	2.05

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written